

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25/02/2021

“ *V/v tranh chấp ly hôn* ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Đăng Hải

Bà Nguyễn Bích Liên

-Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: Ông Vương Xuân Hoan-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 449/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990

Địa chỉ : Thái P, Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội.

2.Bị đơn : Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983

ĐKKHKT : Xóm Nại, xã Tân M, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thái P, Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội.

Có mặt các bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T đăng ký kết hôn ngày 26/7/2008 tại UBND xã Tân M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau khi cưới vợ chồng chị thuê nhà ở tại thôn Thái P, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị bị tai nạn giao thông phải nằm điều trị tại viện khoảng 1 tháng, trong khoảng thời gian này anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ bê gia đình không chăm lo đến vợ con. Sau khi ra viện, chị và gia đình có động viên khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi cách sống, anh còn đánh đập chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

-Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Văn Q, sinh ngày 11/12/2008 và Bùi Thị Vân A, sinh ngày 20/7/2011. Hiện nay hai cháu vẫn đang ở cùng với anh, chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Vân A, còn cháu Q để anh T nuôi và tự mỗi bên đảm nhiệm việc nuôi con.

-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2020 và trong quá trình xét xử bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận như chị Q trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống không có mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân chị Q làm đơn xin ly hôn anh là do ngày 19/5/2019, chị Q nói với anh đi hội thảo tại Công ty một tuần nhưng sau đó anh không thấy chị Q về, anh gọi điện thì không liên lạc được. Đến khoảng tháng 02/2020, chị Q bỏ về hẳn nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, mặc dù anh đã đến gặp và nói chuyện rất nhiều lần nhưng chị Q kiên quyết không quay về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, việc chị Q làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý.

-Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là Bùi Văn Q, sinh ngày 11/12/2008 và Bùi Thị Vân A, sinh ngày 20/7/2011. Ly hôn anh đề nghị xin được nuôi hai con và yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh 2.500.000đ/tháng.

-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

+Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn T

+Về nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Văn Q, sinh ngày 11/12/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Bùi Thị Vân A, sinh ngày 20/7/2011 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tự mỗi bên đảm nhiệm việc nuôi con.

+Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Q và Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2008 tại UBND xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Do vậy, cuộc hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng sống không có lòng tin đối với nhau, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị Q vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị xin được ly hôn, anh T không đồng ý. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có giải pháp nào để khắc phục quan hệ vợ chồng, vợ chồng anh chị vẫn mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến ai. Xác minh tại gia đình cũng như chính quyền địa phương được biết anh chị chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng quan hệ vợ chồng anh, chị không thay đổi. Do vậy, có thể thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị được ly hôn anh T là P hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là Bùi Văn Q, sinh ngày 11/12/2008 và Bùi Thị Vân A, sinh ngày 20/7/2011. Xét hiện nay chị Q, anh T đều đi làm có thu nhập ổn định, cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con. Mặc dù quá trình điều tra, cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố. Tuy nhiên để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Q, anh T mỗi người nuôi một cháu. Chị Q nuôi cháu Vân Anh, anh T nuôi cháu Q và tự mỗi bên đảm nhiệm việc nuôi con.

[3] Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Chị Q, anh T không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28,35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn T.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Thị Vân A, sinh ngày 20/7/2011 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Bùi Văn Q, sinh ngày 11/12/2008 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tự mỗi bên đảm nhiệm việc nuôi con.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3.Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0018923 ngày 12/8/2020.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Q, anh T được quyền kháng cáo.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Hải

Nguyễn Bích Liên

Nguyễn Thị Thu Hằng